

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 315/2025/DS-PT
Ngày: 09-7-2025
V/v: “Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Chiến

Các Thẩm phán:

+ Ông Nguyễn Quốc Tuấn;

+ Bà Dương Thúy Hằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2025/DS-ST, ngày 06-05-2025 của Tòa án nhân dân huyện huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11- Tây Ninh) có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2025/QĐXX-PT, ngày 17 tháng 06 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Việt K, sinh năm 1991; trú tại: Khu phố D, thị trấn D, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp D, Xã D, tỉnh Tây Ninh), vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị H, sinh năm 1953; trú tại: Khu phố D, thị trấn D, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp D, Xã D, tỉnh Tây Ninh), có mặt.

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thanh T, sinh năm 1990; trú tại: Khu phố D, thị trấn D, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp D, Xã D, tỉnh Tây Ninh), có mặt

Người kháng cáo: Chị Phan Thị Thanh T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn và người đại diện thống nhất trình bày:

Anh Trần Việt K có cho chị Phan Thị Thanh T vay tiền nhiều lần. Cụ thể như sau: Vào ngày 03-6-2019 và những tháng kế tiếp sau đó, anh K nhiều lần đưa tiền mặt và chuyển khoản cho chị T, sau đó chị T cũng đã chuyển khoản tiền để trả cho anh K nhưng số tiền mà chị T chuyển trả không đủ so với số tiền anh K cho chị T vay. Đến ngày 26-11-2020 anh K và chị T đã kết toán chốt lại thì chị T còn nợ anh K số tiền 2.500.000.000 đồng. Chị T có viết giấy xác nhận nợ số tiền 2.500.000.000 và chịu lãi suất 3,5%/tháng cho anh, chị T cam kết sẽ trả tiền cho anh K mỗi tháng từ 100 triệu đến 200 triệu đồng cho đến khi hết nợ.

Kể từ khi chị T viết giấy xác nhận nợ đến nay chị T chỉ trả cho anh K số tiền là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) trong thời gian 4 tháng (từ tháng 01/2021 đến tháng 4/2021) thì ngưng không trả tiền gốc và lãi cho anh K nên chị T vẫn còn nợ số tiền 2.500.000.000. Đến năm 2022 có phát sinh tranh chấp nên anh K có gửi đơn đến Ủy ban nhân dân Thị trấn và đến công an huyện đề giải quyết nhưng được trả lời không có dấu hiệu tội phạm hình sự. Nay anh K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T trả cho anh số tiền 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng), yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày chốt nợ 26-11-2020 cho đến ngày xét xử, khấu trừ số tiền đã nhận 130.000.000 đồng;

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn chị Phan Thị Thanh T trình bày:

Trước đây giữa chị T với anh K có quan hệ hùn vốn kinh doanh với nhau, chị T xác nhận chị viết giấy xác nhận ngày 26-11-2020, số tiền 2.500.000.000 đồng là tại nhà của anh K do yêu cầu của mẹ chị với mẹ của anh K là bà H, mục đích để cho người lớn của hai bên yên tâm là giữa chị với anh K có quan hệ làm ăn chung với nhau; hoàn toàn không có việc giao nhận tiền; chứng cứ khởi kiện là giấy xác nhận đề ngày 26-11-2020 do anh K cung cấp là chữ ký và chữ viết của chị T.

Nay anh K khởi kiện yêu cầu chị T trả số tiền gốc 2.500.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày viết giấy xác nhận 26-11-2020 thì chị không đồng ý vì chị không có vay mượn tiền của anh K; giấy xác nhận cũng không có chữ ký của K.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 55/2025/DS-ST, ngày 06-5-2025 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ Điều 463, 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Việt K đối với chị Phan Thị Thanh T về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Phan Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho anh Trần Việt K số tiền vay tổng cộng 3.476.666.000 (ba tỷ bốn trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng; trong đó tiền gốc 2.500.000.000 đồng và tiền lãi 976.666.000 đồng.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo.

Ngày 19-5-2025, chị Phan Thị Thanh T làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án chấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Việt K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Phan Thị Thanh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà H đại diện theo ủy quyền của anh K không chấp nhận kháng cáo của chị T, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa Phúc thẩm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm thẩm chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 06-5-2025 Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm vụ kiện, ngày 19-5-2025 chị Phan Thị Thanh T làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, chị T kháng cáo trong hạn luật định, nên vụ án được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Anh Trần Việt K yêu cầu chị Phan Thị Thanh T trả số tiền vay còn nợ là 2.500.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày lập nợ 26-11-2020 cho đến ngày xét xử, khấu trừ số tiền đã nhận 130.000.000 đồng.

Chị T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K và cho rằng chị viết giấy xác nhận ngày 26-11-2020, số tiền 2.500.000.000 đồng là do yêu cầu của mẹ chị với mẹ của anh K là bà Đào Thị H, mục đích để cho người lớn của hai bên yên tâm là giữa chị với anh K có quan hệ làm ăn chung với nhau; hoàn toàn không có việc giao nhận tiền.

[3] Căn cứ vào “Giấy xác nhận” lập ngày 26-11-2020 (bút lục số 26) là chứng cứ do anh K cung cấp được chị T thừa nhận là do chị viết và ký tên có nội dung: Chị T nhận nợ anh K số tiền 2.500.000.000 đồng, chịu lãi suất 3,5%/tháng và cam kết sẽ thanh toán tiền gốc và lãi cho anh K. Sau khi lập giấy xác nhận nợ chị T trả cho anh K số tiền 130.000.000 đồng.

Chị T cho rằng giữa chị với anh K có hùn vốn để kinh doanh, chị không có vay tiền của anh K, việc chị viết giấy xác nhận nợ để gia đình hai bên an tâm là chị và anh khoa có quan hệ làm ăn chung. Tuy nhiên, anh K không thừa nhận, chị T không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc hùn vốn để kinh doanh; những bản sao kê chị T cung cấp chuyển khoản cho anh K là trước khi xác lập giấy xác nhận ngày 26-11-2020, việc chuyển khoản và trả tiền trực tiếp sau ngày 26-11-2020 đã được Tòa án cấp sơ thẩm khấu trừ tổng số tiền 130.000.000 đồng.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện chứng cứ, buộc chị T trả cho anh K số tiền 3.476.666.000 đồng; trong đó tiền gốc 2.500.000.000 đồng và tiền lãi 976.666.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Chị T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Phan Thị Thanh T;

Giữ nguyên bản án án dân sự sơ thẩm số 55/2025/DS-ST, ngày 06-05-2024 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11- Tây Ninh).

Căn cứ Điều 463, 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Việt K đối với chị Phan Thị Thanh T về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”;

Buộc chị Phan Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho anh Trần Việt K số tiền vay tổng cộng 3.476.666.000 (ba tỷ bốn trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng; trong đó tiền gốc 2.500.000.000 đồng và tiền lãi 976.666.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì

hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự:

2.1. Án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị Thanh T phải chịu 101.533.000 (một trăm lẻ một triệu năm trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

Anh K không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho anh K số tiền tạm ứng đã nộp là 41.000.000 đồng theo biên lai thu số 0008429 ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11- Tây Ninh).

2.2. Án phí Phúc thẩm:

Chị Phan Thị Thanh T phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005458 ngày 19-5-2025 tại Chi cục Thi hành dân sự huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11- Tây Ninh).

Anh Trần Việt K không phải chịu.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND khu vực 11-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Hữu Chiến